

Số: 240/BC-NV

Nha Trang, ngày 16 tháng 4 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Nha Trang năm 2023**

## **I. TÌNH HÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ THẨM ĐỊNH CỦA TỔ GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG**

### **1. Tiêu chí đánh giá năm 2023**

Năm 2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ Quy chế của tỉnh, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND thành phố Nha Trang về việc ban hành Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND cấp xã thuộc thành phố Nha Trang (gồm 05 phụ lục áp dụng cho Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Thanh tra thành phố, các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND thành phố, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố và UBND cấp xã).

Ngày 22/11/2023, UBND thành phố ban hành Công văn số 9772/UBND-NV v/v triển khai việc đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023.

Ngày 23/11/2023, Phòng Nội vụ đã tập huấn trực tuyến cho các cơ quan, đơn vị để hướng dẫn Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2023, cách thức chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và thực hiện tự chấm điểm kết quả công tác cải cách hành chính trên phần mềm.

Việc cập nhật kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC và gửi hồ sơ đề nghị thẩm định về cho cơ quan cấp trên trực tiếp được thực hiện trên Phần mềm quản lý chấm điểm - Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Khánh Hòa tại địa chỉ <https://pari.khanhhoa.gov.vn>.

### **2. Tình hình tự đánh giá, xếp hạng của các cơ quan, đơn vị và thẩm định của Tổ giúp việc**

#### **a) Tình hình tự đánh giá**

- Tổng số cơ quan, đơn vị thực hiện tự đánh giá CCHC năm 2023: 46 (12 cơ quan chuyên môn, 07 đơn vị sự nghiệp và 27 UBND cấp xã).

- Tổng số cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ trên phần mềm đúng hạn: 46/46 (chậm nhất 23 giờ 29 phút ngày 01/12/2023). Không có cơ quan, đơn vị nào nộp hồ sơ trễ hạn.

## b) Kết quả thẩm định

- Kết quả thẩm định lần đầu và thẩm định bổ sung cho thấy, so với năm 2021, các cơ quan, đơn vị đã quan tâm, cải thiện chất lượng hồ sơ tự đánh giá công tác cải cách hành chính. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị thực hiện giải trình không đúng trọng tâm của tiêu chí đánh giá, tài liệu kiểm chứng đính kèm còn nhầm lẫn, nội dung tự đánh giá thiếu giải trình hoặc thiếu tài liệu kiểm chứng.... Do đó, tại một số tiêu chí, tiêu chí thành phần, các thành viên Tổ giúp việc không có cơ sở để thẩm định kết quả tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị.

- Sau thẩm định lần 1 (ngày 11/12/2023): có 10 cơ quan, đơn vị loại tốt, 24 cơ quan, đơn vị loại khá, 12 cơ quan, đơn vị loại trung bình (một số cơ quan, đơn vị không gửi tài liệu kiểm chứng nên không có cơ sở thẩm định, do đó kết quả thẩm định lần 1 thấp). Phòng Nội vụ đã có văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng trên phần mềm.

- Sau thẩm định lần 2 (ngày 14/12/2023): có 31 cơ quan, đơn vị loại tốt, 14 cơ quan, đơn vị loại khá, 01 đơn vị loại trung bình.

- Ngày 15/12/2023, Hội đồng đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính thành phố họp thông qua kết quả thẩm định về công tác cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Nha Trang.

- Ngày 20/12/2023, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2823/QĐ-UBND về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính và xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023.

## II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ VÀ XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

### 1. Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị

Kết quả xếp hạng cụ thể của từng cơ quan như sau:

- Xếp hạng TỐT (chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% trở lên): 31/46 cơ quan, đơn vị (chiếm 67,39%), gồm 12/12 cơ quan chuyên môn, 04/7 đơn vị sự nghiệp và 15/27 UBND cấp xã, tăng 01 đơn vị so với năm 2022.

- Xếp hạng KHÁ (chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%): 14/46 cơ quan, đơn vị (chiếm 30,43%), gồm 03/7 đơn vị sự nghiệp và 11/27 UBND cấp xã, giảm 04 cơ quan/đơn vị so với năm 2022

- Xếp hạng TRUNG BÌNH (chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60% đến dưới 75%): 01 UBND cấp xã, tăng 01 đơn vị so với năm 2022.

- Xếp hạng YẾU (chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60%): 0, không thay đổi so với năm 2022.

**Tổng hợp chỉ số cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị năm 2023**

STT	Cơ quan, đơn vị	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/giảm
		Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng	Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng	
<b>I</b>	<b>Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố</b>					
1	Phòng Nội vụ thành phố	92,09	Tốt	95,93	Tốt	+3,84
2	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố	92,79	Tốt	93,62	Tốt	+0,83
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	87,07	Tốt	90,78	Tốt	+3,71
4	Phòng Y tế thành phố	88,48	Tốt	89,97	Tốt	+1,49
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố	86,25	Tốt	88,8	Tốt	+2,55
6	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	87,06	Tốt	88,71	Tốt	+1,65
7	Phòng Kinh tế thành phố	85,06	Tốt	88,39	Tốt	+3,33
8	Phòng Tư pháp thành phố	86,25	Tốt	88,36	Tốt	+2,11
9	Thanh tra thành phố	93,02	Tốt	87,43	Tốt	-5,99
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	83,53	Khá	87,21	Tốt	+3,68
11	Phòng Quản lý đô thị thành phố	86,90	Tốt	85,14	Tốt	-1,86
12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố	89,67	Tốt	85,06	Tốt	-4,61
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố</b>					
1	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang	92,73	Tốt	89,34	Tốt	-3,39
2	Ban Quản lý dịch vụ công ích	96,76	Tốt	88,94	Tốt	-7,82
3	Trung tâm phát triển quỹ đất	90,01	Tốt	87,26	Tốt	-2,75
4	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thành phố	89,8	Tốt	86,82	Tốt	-2,98
5	Ban Quản lý vịnh Nha Trang	95,59	Tốt	83,69	Khá	-11,9
6	Ban Quản lý chợ Xóm mới	75,02	Khá	82,89	Khá	+7,87
7	Đội Thanh niên xung kích	81,88	Khá	79,58	Khá	-2,3
<b>III</b>	<b>UBND xã, phường</b>					
1	UBND phường Vạn Thạnh	87,53	Khá	94,24	Tốt	+6,71
2	UBND xã Vĩnh Hiệp	89,44	Tốt	93,92	Tốt	+4,48
3	UBND phường Phương Sài	83,4	Khá	89,72	Tốt	+6,32

STT	Cơ quan, đơn vị	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/giảm
		Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng	Chỉ số CCHC (%)	Xếp hạng	
4	UBND phường Phước Hòa	85,44	Khá	89,44	Tốt	+4,9
5	UBND phường Vĩnh Thọ	88,04	Tốt	88,69	Tốt	+0,65
6	UBND xã Vĩnh Phương	92,77	Tốt	88,53	Tốt	-4,24
7	UBND phường Phước Tân	85,35	Tốt	87,07	Tốt	+1,72
8	UBND phường Lộc Thọ	89,17	Tốt	87,06	Tốt	-2,11
9	UBND phường Vạn Thắng	90,69	Tốt	86,57	Tốt	-4,12
10	UBND phường Phương Sơn	83,79	Khá	86,56	Tốt	+2,77
11	UBND phường Phước Tiến	88,59	Tốt	86,46	Tốt	-2,13
12	UBND phường Tân Lập	87,94	Tốt	86,05	Tốt	-1,89
13	UBND phường Vĩnh Nguyên	87,06	Tốt	85,42	Tốt	-1,64
14	UBND phường Vĩnh Trường	81,89	Khá	85,36	Tốt	+3,47
15	UBND phường Vĩnh Phước	87,06	Khá	85,27	Tốt	-1,79
16	UBND xã Vĩnh Ngọc	82,53	Khá	83,7	Khá	+1,17
17	UBND phường Vĩnh Hải	79,78	Khá	83,22	Khá	+3,44
18	UBND phường Ngọc Hiệp	82,19	Khá	81,89	Khá	-0,3
19	UBND xã Vĩnh Thái	75,94	Khá	80,91	Khá	+4,97
20	UBND phường Phước Hải	85,06	Tốt	80,7	Khá	-4,36
21	UBND phường Xương Huân	82,66	Khá	80,4	Khá	-2,26
22	UBND phường Phước Long	77,78	Khá	79,6	Khá	+1,82
23	UBND phường Vĩnh Hòa	86,85	Tốt	78,6	Khá	-8,25
24	UBND xã Vĩnh Thạnh	80,77	Khá	78,04	Khá	-2,73
25	UBND xã Vĩnh Lương	85,7	Tốt	77,81	Khá	-7,89
26	UBND xã Vĩnh Trung	78,84	Khá	75,11	Khá	-3,73
27	UBND xã Phước Đồng	78,71	Khá	71,48	Trung bình	-7,23

So sánh giữa năm 2023 và năm 2022:

- Đối với khối cơ quan chuyên môn: 09/12 cơ quan có chỉ số CCHC tăng, trong đó tăng cao nhất là Phòng Nội vụ (+3,84%), 03 cơ quan có chỉ số CCHC giảm, giảm nhiều nhất là Thanh tra thành phố (-5,99%). Chỉ số CCHC trung bình của khối cơ quan chuyên môn tăng 0,94% so với năm 2022.

- Đối với khối đơn vị sự nghiệp: 01/7 đơn vị có chỉ số CCHC tăng (Ban Quản lý chợ Xóm Mới, tăng 7,86%), 06 đơn vị có chỉ số CCHC giảm, giảm nhiều nhất là Ban Quản lý Vịnh Nha Trang (-11,9%). Chỉ số CCHC trung bình của khối đơn vị sự nghiệp giảm 3% so với năm 2022.

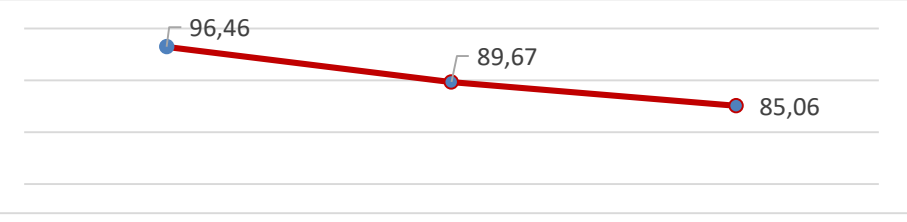
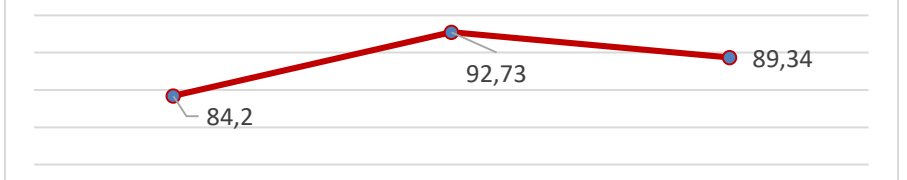
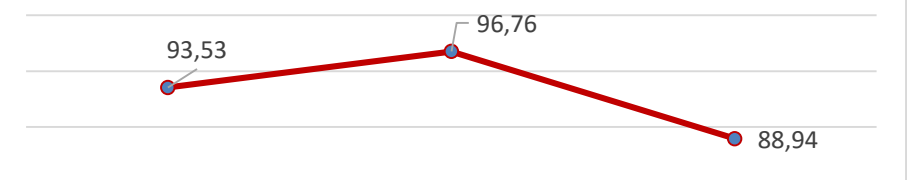
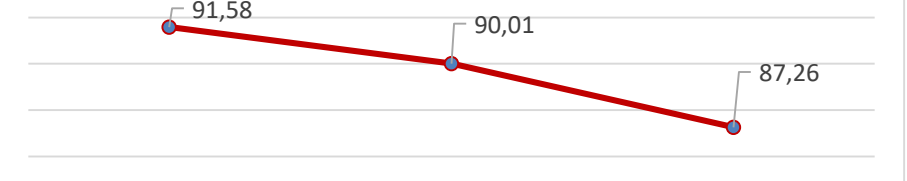
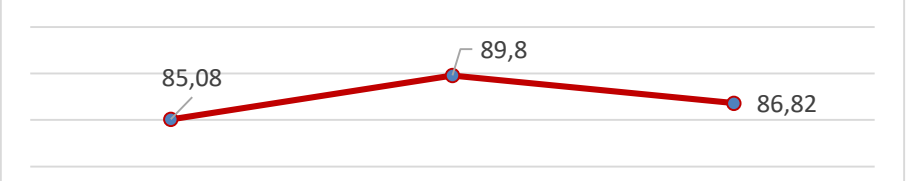
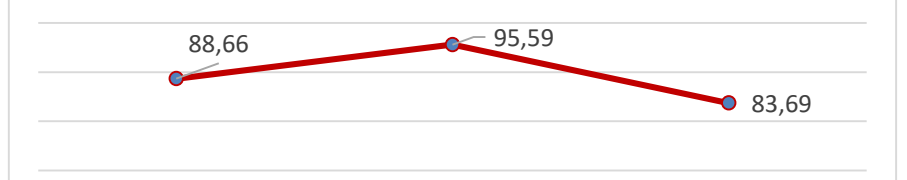
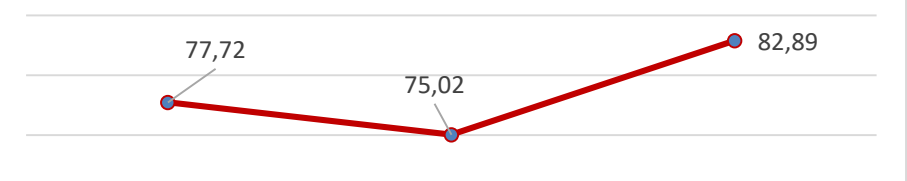
- Đối với khối UBND cấp xã: 12/27 đơn vị có chỉ số CCHC tăng, tăng cao nhất là UBND phường Vạn Thạnh (+6,71%), 15 đơn vị có chỉ số CCHC giảm, giảm nhiều nhất là UBND phường Vĩnh Hòa (-8,25%). Chỉ số CCHC trung bình của khối UBND cấp xã giảm 0,49% so với năm 2022.

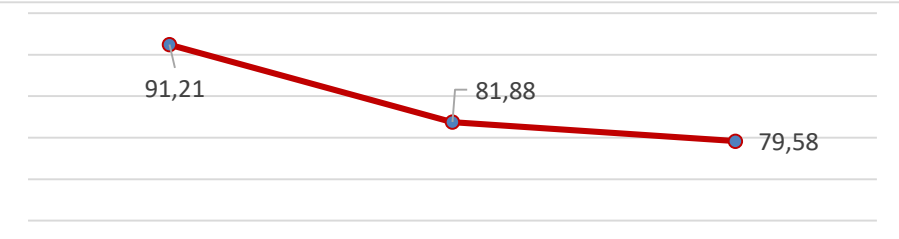
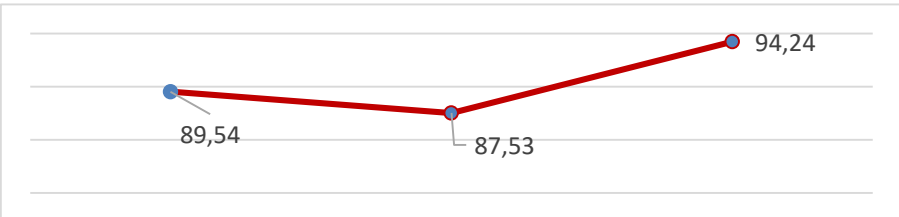
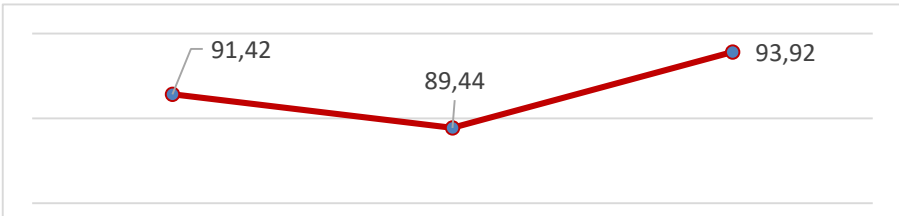
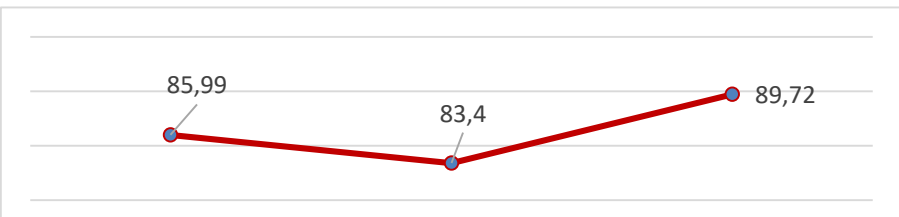
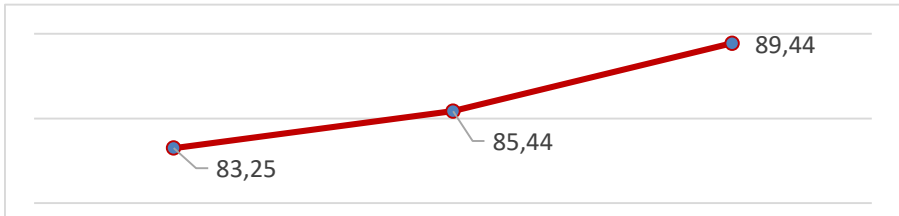
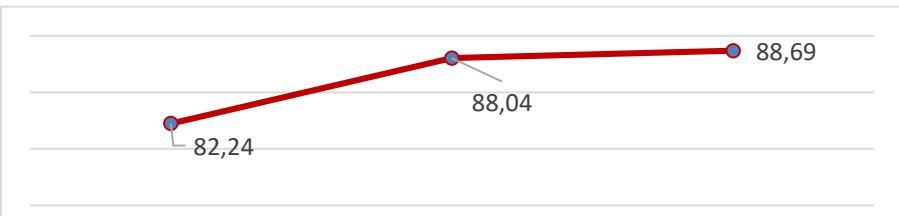
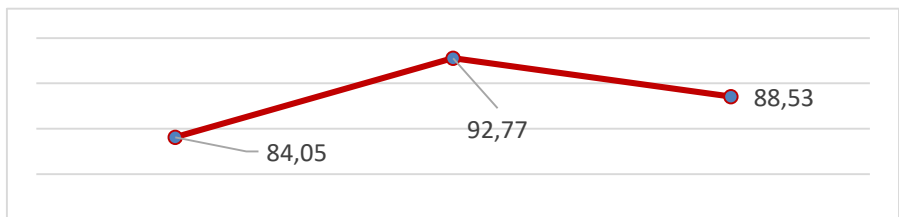
Tổng hợp cả ba khối cơ quan, đơn vị, có 22/46 cơ quan, đơn vị có chỉ số CCHC tăng so với năm 2022, 24 cơ quan, đơn vị có chỉ số CCHC giảm so với năm 2023.

### **Biểu đồ Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị giai đoạn 2021-2023**

Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023								
<b>I</b>	<b>Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố</b>									
1	Phòng Nội vụ thành phố	<table border="1"> <tr><th>Năm</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Chỉ số CCHC</th><td>91,89</td><td>92,09</td><td>95,93</td></tr> </table>	Năm	2021	2022	2023	Chỉ số CCHC	91,89	92,09	95,93
Năm	2021	2022	2023							
Chỉ số CCHC	91,89	92,09	95,93							
2	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố	<table border="1"> <tr><th>Năm</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Chỉ số CCHC</th><td>94,71</td><td>92,79</td><td>93,62</td></tr> </table>	Năm	2021	2022	2023	Chỉ số CCHC	94,71	92,79	93,62
Năm	2021	2022	2023							
Chỉ số CCHC	94,71	92,79	93,62							
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	<table border="1"> <tr><th>Năm</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Chỉ số CCHC</th><td>89,9</td><td>87,07</td><td>90,78</td></tr> </table>	Năm	2021	2022	2023	Chỉ số CCHC	89,9	87,07	90,78
Năm	2021	2022	2023							
Chỉ số CCHC	89,9	87,07	90,78							
4	Phòng Y tế thành phố	<table border="1"> <tr><th>Năm</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Chỉ số CCHC</th><td>89,19</td><td>88,48</td><td>89,97</td></tr> </table>	Năm	2021	2022	2023	Chỉ số CCHC	89,19	88,48	89,97
Năm	2021	2022	2023							
Chỉ số CCHC	89,19	88,48	89,97							

Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố	<p>87,29      86,25      88,8</p>
6	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	<p>89,95      87,06      88,71</p>
7	Phòng Kinh tế thành phố	<p>75      85,06      88,39</p>
8	Phòng Tư pháp thành phố	<p>85,28      86,25      88,36</p>
9	Thanh tra thành phố	<p>93,26      93,02      87,43</p>
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	<p>85,42      83,53      87,21</p>
11	Phòng Quản lý đô thị thành phố	<p>86,85      86,9      85,14</p>

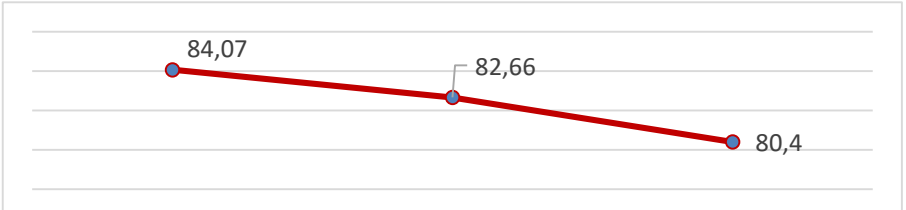
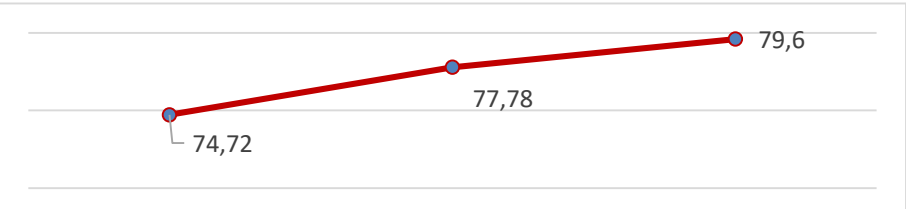
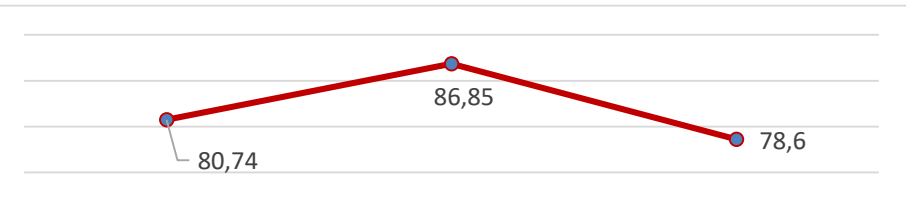
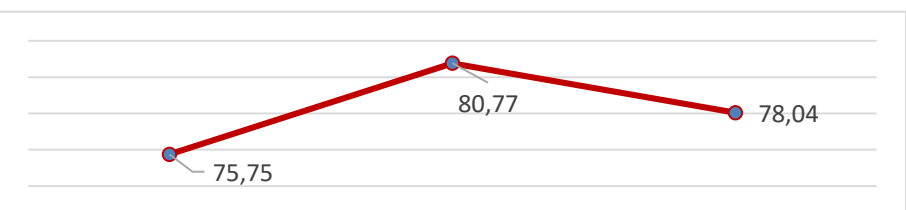
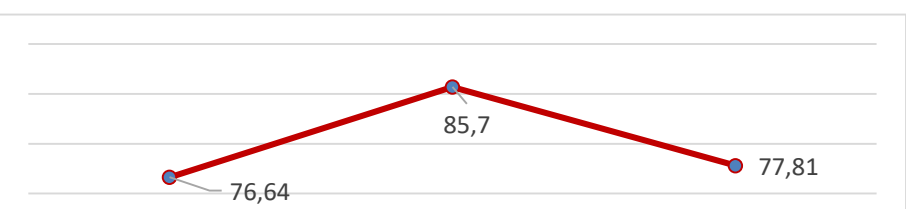
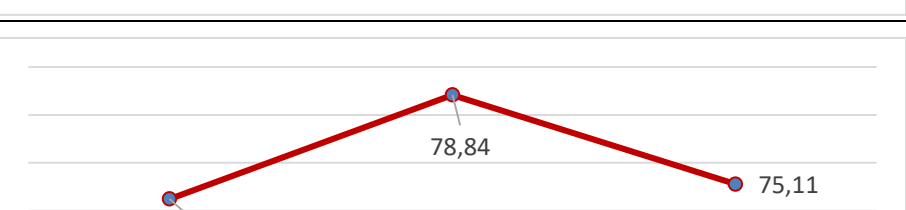
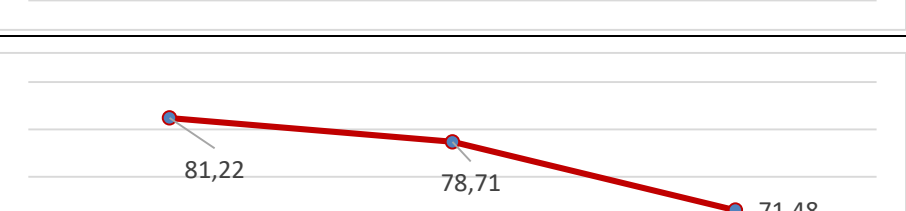
Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023								
12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố	 <table border="1" data-bbox="571 241 1482 461"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>96,46</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>89,67</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>85,06</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	96,46	2022	89,67	2023	85,06
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	96,46									
2022	89,67									
2023	85,06									
<b>II Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố</b>										
1	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang	 <table border="1" data-bbox="571 562 1482 741"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>84,2</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>92,73</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>89,34</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	84,2	2022	92,73	2023	89,34
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	84,2									
2022	92,73									
2023	89,34									
2	Ban Quản lý dịch vụ công ích	 <table border="1" data-bbox="571 790 1482 969"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>93,53</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>96,76</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>88,94</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	93,53	2022	96,76	2023	88,94
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	93,53									
2022	96,76									
2023	88,94									
3	Trung tâm phát triển quỹ đất	 <table border="1" data-bbox="571 1037 1482 1216"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>91,58</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>90,01</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>87,26</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	91,58	2022	90,01	2023	87,26
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	91,58									
2022	90,01									
2023	87,26									
4	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thành phố	 <table border="1" data-bbox="571 1305 1482 1485"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>85,08</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>89,8</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>86,82</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	85,08	2022	89,8	2023	86,82
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	85,08									
2022	89,8									
2023	86,82									
5	Ban Quản lý vịnh Nha Trang	 <table border="1" data-bbox="571 1552 1482 1731"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>88,66</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>95,59</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>83,69</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	88,66	2022	95,59	2023	83,69
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	88,66									
2022	95,59									
2023	83,69									
6	Ban Quản lý chợ Xóm mới	 <table border="1" data-bbox="571 1798 1482 1977"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>77,72</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>75,02</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>82,89</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	77,72	2022	75,02	2023	82,89
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	77,72									
2022	75,02									
2023	82,89									

Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023								
7	Đội Thanh niên xung kích	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>91,21</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>81,88</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>79,58</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	91,21	2022	81,88	2023	79,58
Year	Index									
2021	91,21									
2022	81,88									
2023	79,58									
<b>III UBND cấp xã</b>										
1	UBND phường Vạn Thạnh	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>89,54</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>87,53</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>94,24</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	89,54	2022	87,53	2023	94,24
Year	Index									
2021	89,54									
2022	87,53									
2023	94,24									
2	UBND xã Vĩnh Hiệp	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>91,42</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>89,44</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>93,92</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	91,42	2022	89,44	2023	93,92
Year	Index									
2021	91,42									
2022	89,44									
2023	93,92									
3	UBND phường Phương Sài	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>85,99</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>83,4</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>89,72</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	85,99	2022	83,4	2023	89,72
Year	Index									
2021	85,99									
2022	83,4									
2023	89,72									
4	UBND phường Phước Hòa	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>83,25</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>85,44</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>89,44</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	83,25	2022	85,44	2023	89,44
Year	Index									
2021	83,25									
2022	85,44									
2023	89,44									
5	UBND phường Vĩnh Thọ	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>82,24</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>88,04</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>88,69</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	82,24	2022	88,04	2023	88,69
Year	Index									
2021	82,24									
2022	88,04									
2023	88,69									
6	UBND xã Vĩnh Phương	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Index</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>84,05</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>92,77</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>88,53</td> </tr> </tbody> </table>	Year	Index	2021	84,05	2022	92,77	2023	88,53
Year	Index									
2021	84,05									
2022	92,77									
2023	88,53									



Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023								
7	UBND phường Phước Tân	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>84,58</td><td>85,35</td><td>87,07</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	84,58	85,35	87,07
Year	2021	2022	2023							
Index	84,58	85,35	87,07							
8	UBND phường Lộc Thọ	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>83,9</td><td>89,17</td><td>87,06</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	83,9	89,17	87,06
Year	2021	2022	2023							
Index	83,9	89,17	87,06							
9	UBND phường Vạn Thắng	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>88,63</td><td>90,69</td><td>86,57</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	88,63	90,69	86,57
Year	2021	2022	2023							
Index	88,63	90,69	86,57							
10	UBND phường Phương Sơn	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>85,04</td><td>83,79</td><td>86,56</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	85,04	83,79	86,56
Year	2021	2022	2023							
Index	85,04	83,79	86,56							
11	UBND phường Phước Tiến	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>85,88</td><td>88,59</td><td>86,46</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	85,88	88,59	86,46
Year	2021	2022	2023							
Index	85,88	88,59	86,46							
12	UBND phường Tân Lập	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>79,85</td><td>87,94</td><td>86,05</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	79,85	87,94	86,05
Year	2021	2022	2023							
Index	79,85	87,94	86,05							
13	UBND phường Vĩnh Nguyên	<table border="1"> <tr><th>Year</th><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr> <tr><th>Index</th><td>81,78</td><td>87,06</td><td>85,42</td></tr> </table>	Year	2021	2022	2023	Index	81,78	87,06	85,42
Year	2021	2022	2023							
Index	81,78	87,06	85,42							

Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023								
14	UBND phường Vĩnh Trường	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>80,62</td></tr> <tr><td>2022</td><td>81,89</td></tr> <tr><td>2023</td><td>85,36</td></tr> </table>	Year	Index	2021	80,62	2022	81,89	2023	85,36
Year	Index									
2021	80,62									
2022	81,89									
2023	85,36									
15	UBND phường Vĩnh Phước	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>82,27</td></tr> <tr><td>2022</td><td>87,06</td></tr> <tr><td>2023</td><td>85,27</td></tr> </table>	Year	Index	2021	82,27	2022	87,06	2023	85,27
Year	Index									
2021	82,27									
2022	87,06									
2023	85,27									
16	UBND xã Vĩnh Ngọc	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>84,94</td></tr> <tr><td>2022</td><td>82,53</td></tr> <tr><td>2023</td><td>83,7</td></tr> </table>	Year	Index	2021	84,94	2022	82,53	2023	83,7
Year	Index									
2021	84,94									
2022	82,53									
2023	83,7									
17	UBND phường Vĩnh Hải	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>84,58</td></tr> <tr><td>2022</td><td>79,78</td></tr> <tr><td>2023</td><td>83,22</td></tr> </table>	Year	Index	2021	84,58	2022	79,78	2023	83,22
Year	Index									
2021	84,58									
2022	79,78									
2023	83,22									
18	UBND phường Ngọc Hiệp	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>75,88</td></tr> <tr><td>2022</td><td>82,19</td></tr> <tr><td>2023</td><td>81,89</td></tr> </table>	Year	Index	2021	75,88	2022	82,19	2023	81,89
Year	Index									
2021	75,88									
2022	82,19									
2023	81,89									
19	UBND xã Vĩnh Thái	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>79,36</td></tr> <tr><td>2022</td><td>75,94</td></tr> <tr><td>2023</td><td>80,91</td></tr> </table>	Year	Index	2021	79,36	2022	75,94	2023	80,91
Year	Index									
2021	79,36									
2022	75,94									
2023	80,91									
20	UBND phường Phước Hải	<table border="1"> <tr><th>Year</th><th>Index</th></tr> <tr><td>2021</td><td>81,18</td></tr> <tr><td>2022</td><td>85,06</td></tr> <tr><td>2023</td><td>80,7</td></tr> </table>	Year	Index	2021	81,18	2022	85,06	2023	80,7
Year	Index									
2021	81,18									
2022	85,06									
2023	80,7									

Stt	Cơ quan, đơn vị	Chỉ số CCHC giai đoạn 2021-2023								
21	UBND phường Xương Huân	 <table border="1" data-bbox="571 224 1481 432"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>84,07</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>82,66</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>80,4</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	84,07	2022	82,66	2023	80,4
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	84,07									
2022	82,66									
2023	80,4									
22	UBND phường Phước Long	 <table border="1" data-bbox="571 459 1481 667"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>74,72</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>77,78</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>79,6</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	74,72	2022	77,78	2023	79,6
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	74,72									
2022	77,78									
2023	79,6									
23	UBND phường Vĩnh Hòa	 <table border="1" data-bbox="571 694 1481 902"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>80,74</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>86,85</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>78,6</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	80,74	2022	86,85	2023	78,6
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	80,74									
2022	86,85									
2023	78,6									
24	UBND xã Vĩnh Thạnh	 <table border="1" data-bbox="571 952 1481 1160"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>75,75</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>80,77</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>78,04</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	75,75	2022	80,77	2023	78,04
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	75,75									
2022	80,77									
2023	78,04									
25	UBND xã Vĩnh Lương	 <table border="1" data-bbox="571 1209 1481 1417"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>76,64</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>85,7</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>77,81</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	76,64	2022	85,7	2023	77,81
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	76,64									
2022	85,7									
2023	77,81									
26	UBND xã Vĩnh Trung	 <table border="1" data-bbox="571 1467 1481 1675"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>74,49</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>78,84</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>75,11</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	74,49	2022	78,84	2023	75,11
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	74,49									
2022	78,84									
2023	75,11									
27	UBND xã Phước Đồng	 <table border="1" data-bbox="571 1724 1481 1933"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Chỉ số CCHC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2021</td> <td>81,22</td> </tr> <tr> <td>2022</td> <td>78,71</td> </tr> <tr> <td>2023</td> <td>71,48</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Chỉ số CCHC	2021	81,22	2022	78,71	2023	71,48
Năm	Chỉ số CCHC									
2021	81,22									
2022	78,71									
2023	71,48									

- Đối với khối cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố:

+ 03 cơ quan có chỉ số CCHC tăng liên tục trong giai đoạn 2021 - 2023: Phòng Nội vụ, Phòng Kinh tế, Phòng Tư pháp, tăng nhiều nhất là Phòng Kinh tế (+13,39%).

+ 02 cơ quan có chỉ số CCHC giảm liên tục trong giai đoạn 2021 - 2023: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra thành phố, giảm nhiều nhất là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (-11,4%).

+ 01 cơ quan có chỉ số CCHC tăng nhẹ trong năm 2022 nhưng giảm vào năm 2023: Phòng Quản lý đô thị.

+ 06 cơ quan còn lại có chỉ số CCHC giảm trong năm 2022 và tăng trong năm 2023.

- Đối với khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố:

+ 01 đơn vị có chỉ số CCHC giảm trong năm 2022 và tăng trong năm 2023: Ban Quản lý chợ Xóm Mới.

+ 02 đơn vị có chỉ số CCHC giảm liên tục trong giai đoạn 2021 - 2023: Trung tâm Phát triển quỹ đất, Đội Thanh niên xung kích.

+ 04 đơn vị còn lại có chỉ số CCHC tăng trong năm 2022 nhưng giảm trong năm 2023.

- Đối với khối UBND cấp xã:

+ 05 đơn vị có chỉ số CCHC tăng liên tục trong giai đoạn 2021 - 2023: Phước Hòa, Vĩnh Thọ, Phước Tân, Vĩnh Trường, Phước Long, tăng nhiều nhất là Vĩnh Thọ (+6,45%)

+ 02 đơn vị có chỉ số CCHC giảm liên tục: Xương Huân, Phước Đồng, giảm nhiều nhất là Phước Đồng (-9,74%).

+ 07 đơn vị có chỉ số CCHC giảm trong năm 2022 và tăng trong năm 2023: Vĩnh Thái, Vĩnh Hải, Vĩnh Ngọc, Phương Sài, Phương Sơn, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thạnh.

+ 13 đơn vị còn lại có chỉ số CCHC tăng trong năm 2022 nhưng giảm trong năm 2023.

## **2. Kết quả đạt được của các cơ quan, đơn vị trong năm 2023 theo từng tiêu chí**

### **2.1. Về chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

Kết quả đánh giá cho thấy, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tiếp tục được các cơ quan, đơn vị quan tâm trong năm 2023, việc cung cấp hồ sơ, tài liệu tương đối đầy đủ.

Về ban hành và thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC: đa số cơ quan, đơn vị đều đạt điểm tối đa; 14 cơ quan, đơn vị bị mất điểm do chưa giải trình, cung

cấp đủ tài liệu chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại kế hoạch.

Về tự kiểm tra CCHC (đối với UBND cấp xã): 14/27 đơn vị cấp xã bị mất điểm do chưa đáp ứng yêu cầu của tiêu chí (chưa cung cấp tài liệu chứng minh mức độ hoàn thành kế hoạch, tài liệu kiểm chứng không thể hiện đúng nội dung yêu cầu của tiêu chí).

Về thực hiện các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch tuyên truyền CCHC của thành phố: hầu hết các cơ quan, đơn vị đều không đạt điểm tối đa ở tiêu chí này (chủ yếu do chưa thực hiện đủ các nhiệm vụ được giao, thiếu tài liệu kiểm chứng về kết quả thực hiện tuyên truyền CCHC tại cơ quan, đơn vị).

Về thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ: đa số các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt, tuy nhiên vẫn còn 05 cơ quan, đơn vị mất điểm do báo cáo trễ hạn hoặc chưa đầy đủ nội dung theo yêu cầu.

Về đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC: chỉ có 20/46 cơ quan, đơn vị đạt điểm ở tiêu chí này, một số cơ quan, đơn vị có sáng kiến, giải pháp mới nhưng nội dung không thuộc các lĩnh vực cải cách hành chính nên không được ghi nhận.

Về thực hiện nhiệm vụ được UBND thành phố giao trong năm: 20/46 cơ quan, đơn vị mất điểm ở tiêu chí này do còn công việc hoàn thành trễ hạn.

Các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã đã nghiêm túc thực hiện việc đánh giá hàng tháng đối với cán bộ, công chức, nhân viên có tham gia tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, sử dụng kết quả đánh giá hàng tháng để đánh giá, phân loại cán bộ, công chức cuối năm theo Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 13/01/2023 của UBND thành phố. Tiêu chí này hầu hết cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã đều đạt điểm tối đa.

## **2.2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính**

### **a) Lĩnh vực Cải cách thể chế**

10/46 cơ quan, đơn vị chưa đạt điểm tối đa, chủ yếu do chưa cung cấp đủ tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (ban hành kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật).

### **b) Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính**

Chỉ có 03 cơ quan, đơn vị đạt điểm tối đa (Thanh tra thành phố và 02 đơn vị sự nghiệp).

Đa số cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã thực hiện tốt các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, tuy nhiên vẫn bị mất điểm ở các nội dung: có phát sinh hồ sơ trễ hạn; quá trình giải quyết hồ sơ được cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử chưa đồng bộ với quá trình giải quyết hồ sơ thực tế; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp.

Đối với các đơn vị sự nghiệp: chủ yếu bị mất điểm ở tiêu chí công bố công khai các quy định, quy trình giải quyết công việc, phục vụ khách hàng.

c) Lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy

Đa số cơ quan chuyên môn bị mất điểm do còn sử dụng hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn trong cơ quan hành chính, chưa có đề xuất về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

Đối với UBND cấp xã: một số đơn vị bị mất điểm do chưa kịp thời phân công, điều chỉnh nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức khi có quy định mới hoặc khi có sự thay đổi về nhân sự; chưa điều chỉnh lại quy chế làm việc của UBND cấp xã.

d) Lĩnh vực Cải cách chế độ công vụ

Đa số cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các tiêu chí về cải cách chế độ công vụ, tuy nhiên một số cơ quan, đơn vị bị mất điểm do chưa ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, nhân viên hằng năm; báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong năm 2023 chưa đúng thời hạn quy định hoặc chưa đáp ứng yêu cầu về nội dung.

e) Lĩnh vực Cải cách tài chính công

Đa số cơ quan, đơn vị thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, công khai ngân sách đầy đủ và chấp hành đúng các quy định về quản lý ngân sách, tuy nhiên vẫn còn một số cơ quan, đơn vị (chủ yếu tại cấp xã) mất điểm do chưa đảm bảo tiến độ giải ngân Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 theo yêu cầu đề ra hoặc chưa đạt chỉ tiêu về thu ngân sách, ngoài ra một số cơ quan, đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm chi phí hành chính năm 2023 chưa đạt yêu cầu nên không đạt điểm tối đa.

g) Lĩnh vực Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung trong công tác chỉ đạo, điều hành, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân.

Một số cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã mất điểm do chưa đạt tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được giao trong năm 2023, tỷ lệ thanh toán trực tuyến thấp, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa trễ hạn, bị đánh giá không hài lòng.

### **2.3. Về tác động của cải cách hành chính**

Tiêu chí này chỉ đánh giá đối với cơ quan chuyên môn - căn cứ kết quả Chỉ số hài lòng của UBND thành phố (trừ Thanh tra thành phố) và UBND cấp xã - căn cứ Chỉ số hài lòng đối với UBND cấp xã.

Đối với các cơ quan chuyên môn: đạt điểm tối đa tại tiêu chí “Tiếp cận dịch vụ”, “Kết quả, tiến độ giải quyết công việc”, “Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi” và bị mất điểm ở các tiêu chí “Điều kiện tiếp đón và phục vụ”, “Thủ tục hành

chính”, “Sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức”, tương ứng với kết quả Chỉ số hài lòng của UBND thành phố năm 2023.

Đối với UBND cấp xã: đa số đạt điểm tối đa ở các tiêu chí “Sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức”, “Kết quả, tiến độ giải quyết công việc”, “Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi” và bị mất điểm ở các tiêu chí “Tiếp cận dịch vụ”, “Điều kiện tiếp đón và phục vụ”, “Thủ tục hành chính”, tương ứng với kết quả Chỉ số hài lòng của từng đơn vị năm 2023.

Ngoài ra 03 đơn vị cấp xã còn bị mất điểm do thiếu tài liệu kiểm chứng về việc xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ tại đơn vị năm 2023.

#### **2.4. Về Điểm thưởng - Điểm trừ**

##### **a) Về điểm thưởng**

46/46 cơ quan, đơn vị đều có điểm thưởng, tuy nhiên không có đơn vị nào đạt điểm tối đa, điểm thưởng cao tập trung tại các đơn vị cấp xã.

Nhiều cơ quan, đơn vị không có điểm thưởng hoặc có nhưng không đạt tối đa ở tiêu chí “Chủ động rà soát, tham mưu báo cáo UBND thành phố xử lý hoặc kiến nghị UBND tỉnh xử lý các vướng mắc, chùng chể về chức năng, nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý” (đối với cấp xã là tiêu chí “Chủ động rà soát, kiến nghị cơ quan cấp trên chỉ đạo các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, giải quyết kịp thời các vấn đề, vướng mắc trên các ngành, lĩnh vực”); “Có trên 30% công việc được giao trên Phần mềm nhắc việc được hoàn thành sớm hạn và không có công việc trễ hạn”; “Số TTHC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số TTHC được công bố trực tuyến có phát sinh hồ sơ trong năm đạt 100%”; “Tham gia cuộc thi “Mô hình, sáng kiến CCHC của công chức, viên chức trẻ” do tỉnh tổ chức”; “Triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)”.

Một số đơn vị cấp xã không đạt điểm thưởng ở tiêu chí “100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định hiện hành” do vẫn còn cán bộ, công chức đang đi học chuyên môn để đạt chuẩn theo quy định; “Hoàn thành kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước” do tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu (Tỷ lệ giải ngân của năm trước liền kề đạt 95% kế hoạch trở lên, tỷ lệ giải ngân đến hết ngày 30/9 năm đánh giá đạt 60% trở lên); “Chỉ số hài lòng trung bình của cơ quan đạt mục tiêu đề ra theo kế hoạch CCHC của thành phố trong năm đánh giá” do chỉ số hài lòng chung dưới 84%.

##### **b) Về điểm trừ**

39/46 cơ quan, đơn vị không có điểm trừ. 07 cơ quan, đơn vị bị trừ điểm ở tiêu chí “Thực hiện không hiệu quả các nhiệm vụ, công việc được UBND thành phố giao (có văn bản nhắc nhở, phê bình của UBND thành phố)”.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Trong năm 2023, nhìn chung chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố có xu hướng giảm so với năm 2022, bên cạnh nguyên nhân

khách quan là hệ thống tiêu chí đánh giá có sự thay đổi, bổ sung thêm một số tiêu chí mới, thì nguyên nhân chủ yếu vẫn là do các cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, chưa chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng theo đúng yêu cầu, hướng dẫn của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc, nhiệm vụ đã thực hiện nhưng không chuẩn bị được tài liệu chứng minh, dẫn đến kết quả thẩm định lần đầu rất thấp và khi cơ quan, đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng dù được chấp nhận vẫn chỉ đạt 70% số điểm tăng thêm.

Chỉ số cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị đã được UBND thành phố công bố tại Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 20/12/2023, kết quả thẩm định chi tiết từng tiêu chí có thể theo dõi tại Phần mềm quản lý chấm điểm - Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Khánh Hòa (<https://pari.khanhhoa.gov.vn>). Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm rà soát các nội dung, tiêu chí còn hạn chế trong năm 2023 để có biện pháp khắc phục cụ thể, thực hiện tốt hơn nữa công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, cải thiện Chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính trong năm 2024./.

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- UBND thành phố (b/c);
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc TP;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, Duy.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Phan Ngọc Kim Trâm**